

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DSPT

Ngày: 24 - 02 - 2023

V/v “tranh chấp hợp đồng  
chuyển nhượng quyền sử  
dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Hải;  
Bà Trương Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2022/TLPT- DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/DS- ST ngày 19 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A bị Viện Kiểm Sát nhân dân huyện A kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2023/QĐPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc H, sinh năm 1976; (vắng mặt) Địa chỉ: Số 31/ 2 C, đường B, phường C, quận D, thành phố Cần Thơ.

*Đại diện theo ủy quyền:*

Bà Dương Thị Y, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Ông Nguyễn Thái T1, sinh năm 1982; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 4A – E, phường F, quận D, thành phố Cần Thơ.

*2. Bị đơn:*

2.1 Ông Lê Hồng P, sinh năm 1961; (có mặt)

2.2 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Văn phòng Công chứng I; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 70 A 3, KDC Hưng Phú J, phường K, quận L, thành phố Cần Thơ.

Đại diện: Ông Võ Quốc K – Chức vụ: Trưởng Văn Phòng.

3.2 Ông Lê Châu G, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, thành phố Cần Thơ.

4. Người làm chứng: Ông Đặng Quốc T2. (Vắng mặt)

5. Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Cần Thơ kháng nghị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Phía nguyên đơn ông Trần Quốc H yêu cầu ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là giao cho ông H sử dụng diện tích 4.284,8 m<sup>2</sup> loại đất trồng cây hàng năm, thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện A, thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Thái T1 (đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quốc H là nguyên đơn trong vụ án) trình bày: Nguyên vào ngày 07 tháng 6 năm 2012 trên cơ sở thống nhất giữa các bên ông Trần Quốc H cùng ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng Công chứng I đối với phần đất thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.284,8 m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện A, thành phố Cần Thơ. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H00960 do Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 11/9/2007. Nguyên đơn đã trả đủ số tiền 30.000.000 đồng và phía bị đơn là bà N và Ông P có ký biên nhận ngày 07/6/2012. Tuy nhiên đến nay Ông P, bà N không bàn giao quyền sử dụng đất để ông Trần Quốc H tiến hành thủ tục chuyển nhượng sang tên. Hiện tại ông Trần Quốc H đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc.

Ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N (bị đơn) có lời khai trong hồ sơ vụ án như sau: Năm 2012 ông, bà có vay của ông Trần Quốc H số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 60%/tháng. Để đảm bảo cho việc vay tiền ông H yêu cầu ông ký và vợ ông lẫn tay vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn

phòng Công chứng I. Lúc nhận tiền vay ông, bà có ký và vợ ông có lăn tay vào biên nhận nhận tiền viết tay ngày 07/6/2012 lập tại Văn phòng công chứng. Ông bà có đóng tiền lãi được 15 tháng với mức 1.800.000 đồng/tháng, đóng cho ông Ba T3 hay ba T3 (không biết rõ họ tên, địa chỉ). Sau đó, người đi thu tiền lãi không thu lãi nên ông không đóng nữa. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng đến nay vợ chồng ông vẫn trực tiếp canh tác đất, ông H không canh tác ngày nào. Hiện tại vợ chồng ông vẫn trực tiếp canh tác đất, không cầm cố, cho ai thuê đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc do ông H đang giữ. Trước yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông, bà không đồng ý giao đất vì không có bán đất, ông, bà đồng ý trả 30.000.000 đồng như đã vay. Phía Ông P yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/DS – ST ngày 19 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc H.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Hồng P.

Buộc ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán giá trị theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/6/2012 tại vị trí B và C của Bản trích đo địa chính số 81/TTKTTNMT ngày 12/9/2022 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ với diện tích 4.284,8 m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện A, thành phố Cần Thơ cho ông Trần Quốc H với số tiền là 299.936.000 đồng.

Buộc ông Trần Quốc H có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00960 do Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 11/9/2007 cho ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N. Việc trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc giao nhận số tiền 299.936.000 đồng được thực hiện tại giai đoạn thi hành án là đồng thời.

Vị trí thửa đất được xác định theo hồ sơ trích đo địa chính số: 81/TTKTTNMT ngày 12/9/2022 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ. (Đính kèm bản án).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho ông Lê Hồng P theo biên lai thu tiền số 015270 ngày 26/9/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A.

Hoàn trả cho ông Trần Quốc H số tiền tạm ứng án phí 4.157.000 đồng theo biên lai thu tiền số 003086 ngày 27/02/2019 và số tiền tạm ứng án phí 5.912.000

đồng theo biên lai thu tiền số 015273 ngày 27/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Buộc ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N chịu nộp 8.500.000 đồng. Ông Trần Quốc H đã nộp tạm ứng 8.500.000 đồng và đã chi thực tế xong. Buộc ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm nộp lại 8.500.000 đồng để trả cho ông Trần Quốc H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự. Bản án nêu trên đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn kiện, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ không rút kháng nghị, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Ông Lê Hồng P có trách nhiệm trả cho ông Trần Quốc H số tiền 100.000.000 đồng. Thời gian và cách trả các bên thực hiện trong giai đoạn thi hành án. Sau khi Ông P trả hết số tiền nêu trên ông H có trách nhiệm hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 07/6/2012 với Ông P, bà N. Đồng thời, trả cho Ông P, bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00960 do Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 11/9/2007 cho ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

\* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về Thụ lý xét xử phúc thẩm (Điều 285); Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm (Điều 286); Cung cấp tài liệu, chứng cứ (Điều 287); Triệu tập những người tham gia tố tụng (Điều 294).

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng theo thẩm quyền được quy định tại Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn đúng theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 \* Về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Về hình thức kháng nghị: Kháng nghị trong thời hạn luật định nên hợp lệ về mặt hình thức.

- Về nội dung kháng nghị:

Ngày 07 tháng 6 năm 2012 giữa nguyên đơn ông Trần Quốc H và bị đơn ông Lê Hồng P bà Nguyễn Thị N ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng Công chứng I đối với phần đất thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.284,8m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện A, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00960 do Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 11/9/2007 do bà Nguyễn Thị Thanh đứng tên với giá 30.000.000 đồng, Ông P bà Thanh có nhận đủ số tiền theo biên nhận cùng ngày. Bị đơn cho rằng không có việc chuyển nhượng mà thực chất là vợ chồng ông vay tiền của ông H, lãi suất 60%/tháng đã đóng tiền lãi được 15 tháng, 1.800.000 đồng/tháng. Hiện tại vợ chồng ông vẫn trực tiếp canh tác đất, không cầm cố, cho ai thuê đất. Ông, bà không đồng ý giao đất vì không có bán đất, ông, bà đồng ý trả 30.000.000 đồng như đã vay.

Xét thấy, sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng từ thời điểm năm 2012 ông H giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên chưa tiến hành bàn giao đất và chưa thực hiện chuyển tên quyền sử dụng đất. Nguyên đơn không quản lý sử dụng mà do vợ chồng bị đơn Ông P vẫn sử dụng cho đến nay. Tại thời điểm chuyển nhượng trên phần đất có căn nhà của vợ chồng bị đơn và con của bị đơn ở trên đất, trên phần đất còn có các ngôi mộ (04 ngôi mộ) của gia đình bị đơn nhưng ngoài hợp đồng được công chứng các bên cũng không có thỏa thuận nào khác nên hợp đồng khó có thể thực hiện, trong khi bị đơn không thừa nhận có việc chuyển nhượng.

Mặt khác, căn cứ theo bản giá đất của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành theo Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 quy định giá đất tại thời điểm giao dịch năm 2012 trên địa bàn xã H, huyện A có giá 70.000 đồng/m<sup>2</sup>. Với diện tích theo hợp đồng chuyển nhượng 4.284,8 m<sup>2</sup> tương đương với giá trị khoảng gần 300.000.000 đồng, cao hơn rất nhiều lần so với giá trị 30.000.000 đồng trong hợp đồng chuyển nhượng mà nguyên đơn và bị đơn đã ký kết, chưa kể tại thời điểm xét xử giá thị trường sẽ tăng cao hơn so với thời điểm trước. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không đồng ý với bản án sơ thẩm và cung cấp biên nhận ngày 06/01/2012 (bản chính) thể hiện nội dung bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng và trình bày đã thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay tại văn phòng công chứng, nhưng bị đơn đã trả số tiền 80.000.000 đồng và giữa ông H với ông đã hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 06/01/2012, sau đó bị đơn vay lại 30.000.000 đồng cũng ký hợp đồng chuyển nhượng như lần trước tại văn phòng công chứng. Theo kết quả xác minh ngày 22/02/2023 của Tòa án cấp phúc thẩm tại Văn phòng Công chứng I thể hiện, giữa ông H và bị đơn có ký hợp đồng chuyển nhượng đất vào ngày 06/01/2012 đối với phần đất đang tranh chấp số tiền 80.000.000 đồng và hai bên đã có Văn bản hủy hợp đồng chuyển

nhượng vào ngày 09/01/2012. Từ đó cho thấy, giao dịch chuyển nhượng giữa nguyên đơn và bị đơn không đúng bản chất thực tế của giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà giả tạo nhằm che giấu cho một giao dịch vay tài sản như bị đơn trình bày là phù hợp. Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn là giả tạo nên vô hiệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận, cần hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà nguyên đơn và bị đơn đã ký ngày 07/6/2012 tại Văn phòng Công chứng I. Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 07/6/2012 đến thời điểm xét xử, nhưng tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc H, buộc ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán giá trị theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/6/2012 tại vị trí B và C của Bản trích đo địa chính số 81/TTKTTNMT ngày 12/9/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ với diện tích 4.284,8m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm, tờ bản đồ số 07 đất tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện A, thành phố Cần Thơ cho ông Trần Quốc H với số tiền là 299.936.000 đồng là chưa phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn.

Từ những phân tích như trên, xét nội dung Quyết định kháng nghị số 07/QĐVK-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận, bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, sau khi bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng hai bên tiến hành hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/6/2012, nguyên đơn có trách nhiệm trả bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Thời gian và cách trả sẽ được giải quyết tại giai đoạn thi hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện A theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

**Hội đồng xét xử xét thấy:** Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể:

- Ông Lê Hồng P có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Quốc H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Thời gian và cách trả do cơ quan thi hành án giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

- Sau khi ông Lê Hồng P trả xong số tiền 100.000.000 đồng cho ông H, ông H có trách nhiệm cùng Ông P và bà Nguyễn Thị N thực hiện thủ tục để hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2514, quyền VI/2012/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 07/6/2012 giữa ông Lê Hồng P, bà

Nguyễn Thị N với ông Trần Quốc H; đồng thời, ông H có trách nhiệm trả lại cho Ông P, bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00960 do Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 11/9/2007 cho ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra, sự thỏa thuận của các đương sự cũng phù hợp với đề nghị của Kháng nghị số 07/QĐ – VKS – DS ngày 03/10/2022 cụ thể, đề nghị hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2514, quyền VI/2012/TP/CC – SCC/HĐGD ký ngày 07/6/2012 giữa ông Lê Hồng P, bà Nguyễn Thị N; nguyên đơn có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn; bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000đồng và lãi suất. Do đó Kháng nghị số 07/QĐ – VKS – DS ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị số 07/QĐ-VKS-DS ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Cần Thơ.
2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/DS - ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Cần Thơ.
3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Trần Quốc H và Lê Hồng P.  
Cụ thể:

- Ông Lê Hồng P có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Quốc H số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng). Thời gian và cách trả do cơ quan thi hành án giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

- Sau khi ông Lê Hồng P trả xong số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho ông H, ông H có nghĩa vụ cùng Ông P và bà Nguyễn Thị N thực hiện thủ tục để hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2514, quyền VI/2012/TP/CC - SCC/HĐGD ký ngày 07/6/2012 giữa ông Lê Hồng P, bà Nguyễn Thị N với ông Trần Quốc H; Đồng thời, ông H có trách nhiệm trả lại cho Ông P, bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số H00960 do Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 11/9/2007 cho ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho ông Lê Hồng P theo biên lai thu tiền số 015270 ngày 26/9/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A.

Hoàn trả cho ông Trần Quốc H số tiền tạm ứng án phí 4.157.000 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 003086 ngày 27/02/2019 và số tiền tạm ứng án phí 5.912.000 đồng (Năm triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 015273 ngày 27/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Cần Thơ.

5. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Buộc ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N chịu nộp 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Trần Quốc H đã nộp tạm ứng 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) và đã chi thực tế xong. Buộc ông Lê Hồng P và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm nộp lại 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) để trả cho ông Trần Quốc H.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.Cần Thơ;
- TAND huyện Thới Lai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Chi Cục THADS huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Tuyết Loan**

